

# VẤN ĐỀ TÌM HIỂU KIẾN THỨC VỐN CÓ VÀ NHU CẦU HỌC TẬP TRI THỨC, KĨ NĂNG PHONG CÁCH CHỨC NĂNG TIẾNG VIỆT CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

TRƯƠNG THU HƯỜNG\*

Ngày nhận bài: 06/12/2016; ngày sửa chữa: 09/12/2016; ngày duyệt đăng: 13/12/2016.

**Abstract:** Constructivism is one of the modern teaching points of view which promotes active and enthusiastic role of students in order to enhance the efficiency of teaching and learning. Exploring prior knowledge and needs of students is an important activity in the process of application constructivism in teaching lessons of Vietnamese functions stylistics. Some suggested measures include combining with oral tests, conducting a survey, using handouts, etc.

**Keywords:** Constructivism, active teaching, teaching Vietnamese functions stylistics.

## 1. Khái quát về lí thuyết kiến tạo (LTKT)

Lí thuyết kiến tạo (Constructivism) là một quan điểm mới về dạy học, dựa trên những nghiên cứu tâm lí học của Jean Piaget và Vygotsky cho rằng quá trình nhận thức của người học về thực chất là quá trình người học tự xây dựng nên những kiến thức cho bản thân thông qua các hoạt động *đồng hóa* (là quá trình kết hợp trực tiếp những thông tin mới vào sơ đồ nhận thức đang tồn tại để giải quyết tình huống mới) và *điều ứng* (là quá trình thay đổi, thậm chí là phải bác bỏ các kiến thức và kinh nghiệm sai lầm cũ khi nó không phù hợp với tình huống mới).

LTKT được coi là lí thuyết của nhận thức (Theory of knowing) hơn là lí thuyết của tri thức (Theory of knowledge). Von Glasersfeld, người tiên phong trong việc vận dụng LTKT vào quá trình dạy học, đã đưa ra những luận điểm làm nền tảng cho LTKT; trong đó, tư tưởng chủ đạo là việc xem kiến thức luôn là kết quả của hoạt động kiến tạo và từ đó, nó không thể thâm nhập vào một người học thụ động, nó phải được xây dựng một cách tích cực bởi cá nhân mỗi người học.

## 2. Quy trình các bước dạy học phong cách chức năng (PCCN) tiếng Việt cho học sinh (HS) theo quan điểm của LTKT

Từ cơ chế hoạt động dạy học theo LTKT, chúng tôi nêu ra quy trình các bước hình thành tri thức lí thuyết tiếng Việt cho HS như sau:

**2.1. Chuẩn bị:** Tìm hiểu kiến thức vốn có và nhu cầu học tập của HS là một đặc trưng của LTKT trong quá trình hình thành tri thức lí thuyết tiếng Việt cho HS trung học phổ thông. Đặc biệt, LTKT chú ý đến những kiến thức và kinh nghiệm sai lầm của HS. Đó chính là cơ sở để giáo viên (GV) xây dựng tình huống học tập, tạo điều kiện để quá trình đồng hóa và hơn nữa là điều ứng diễn ra trong nhận thức của HS.

**2.2. Tổ chức hoạt động học tập:** GV tổ chức các hoạt động tạo môi trường tích cực để HS phán đoán, kiểm nghiệm, thích nghi và tự xây dựng tri thức mới.

**2.3. Kiểm tra, đánh giá và hướng dẫn HS tự kiểm tra, đánh giá:** Hoạt động kiểm tra, đánh giá giúp GV thu thập thông tin phản hồi để điều chỉnh quá trình học tập của HS đạt hiệu quả tốt nhất. Mặt khác, những hình thức kiểm tra, đánh giá và hoạt động tự kiểm tra, đánh giá giúp HS kiểm nghiệm tri thức mới được xây dựng, tiếp tục điều chỉnh - điều ứng quá trình nhận thức của bản thân.

Sau đây, chúng tôi trình bày cụ thể hơn về việc vận dụng LTKT vào việc tìm hiểu kiến thức và nhu cầu của HS trong quá trình dạy học PCCN tiếng Việt cho HS trung học phổ thông.

## 3. Những biện pháp tìm hiểu kiến thức vốn có và nhu cầu học tập của HS

**3.1. Ý nghĩa.** Theo quan điểm của LTKT, bản chất của quá trình học tập là quá trình người học đồng hóa và điều ứng các kiến thức và kĩ năng sẵn có sao cho thích ứng với môi trường học tập mới. Do vậy, các kiến thức, kĩ năng sẵn có của người học là một trong các tiền đề quan trọng để giúp GV lựa chọn tri thức dạy học và các phương pháp dạy học phù hợp. Thực tiễn dạy học cho thấy, trước khi dạy về một khái niệm tri thức, kĩ năng tiếng Việt nào đó HS có thể đã có những hiểu biết nhất định về vấn đề đó qua kinh nghiệm sống, thực tế sử dụng ngôn ngữ hoặc do những suy luận về những vấn đề tương tự mà HS đã biết. Những quan niệm đúng tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tư duy, những khái niệm chưa đầy đủ hoặc sai lầm sẽ gây trở ngại cho quá trình tư duy của HS; nhưng tất cả những kinh nghiệm đó đều có tác dụng kích thích tư duy của người học nếu GV biết cách sử dụng chúng.

\* Trường Trung học phổ thông Chuyên Lương Thế Vinh - Đồng Nai

Do vậy, trong quá trình dạy học, hình thành tri thức, kĩ năng về phong cách ngôn ngữ tiếng Việt cho HS, GV cần có những quan tâm và cách xử lí sự phạm đặc biệt với những quan niệm sai hoặc chưa đầy đủ của HS.

Việc điều tra, tìm hiểu kiến thức tiếng Việt vốn có cũng như nhu cầu học tập tiếng Việt của HS là nhằm xác định: HS đã có những kiến thức tiếng Việt cơ sở cần thiết cho nội dung nghiên cứu hay chưa? Những kiến thức tiếng Việt đã có của HS tạo thuận lợi hay cản trở như thế nào cho việc lĩnh hội các nội dung kiến thức của chủ đề sắp học? Nhu cầu cần tìm hiểu, nghiên cứu, biết thêm của HS đối với phân môn *Tiếng Việt* là ở các nội dung nào? Trên cơ sở tìm hiểu xem HS đã có những kinh nghiệm, hiểu biết gì và nhu cầu học tập về đối tượng sắp được nghiên cứu, GV sẽ giúp HS củng cố, bổ sung và phát triển thêm những nội dung kiến thức cần thiết. Đồng thời, qua khâu tìm hiểu sẽ giúp GV nắm bắt thêm tâm tư, nguyện vọng, các suy nghĩ, sở thích... của HS để định hướng xây dựng, phát triển nội dung bài học phù hợp và một điều quan trọng khác là giúp cho GV thiết kế các hoạt động học tập để mang lại hiệu quả cao nhất.

**3.2. Các biện pháp cụ thể.** Trong quá trình triển khai dạy học các bài PCCN tiếng Việt cho HS theo quan điểm LTKT và thực nghiệm sự phạm ở các trường trung học phổ thông, chúng tôi đã thực hiện các biện pháp sau đây:

**3.2.1. Kết hợp việc tìm hiểu kiến thức và nhu cầu học tập với nội dung kiểm tra miệng.** Trong biện pháp này, GV có thể tiến hành:

- Đặt câu hỏi kiểm tra kiến thức tiếng Việt của bài trước (sử dụng biện pháp này thường trong những nội dung bài sắp học có liên quan đến kiến thức của bài trước đó). Ví dụ: bài *Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt*, *Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật* có liên quan trực tiếp với bài học về *Văn bản*, *Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ* và *Đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết* trước đó, vì văn bản chính là sản phẩm của hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ và cũng luôn thuộc về một lĩnh vực giao tiếp nào đó; ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết lại là những hình thức thể hiện của văn bản. Vì thế, trước khi dạy bài *Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt*, GV đặt câu hỏi: + Kể tên một số phương tiện giao tiếp của con người?; + Vì sao ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất? (từ việc phân tích sơ lược những ưu thế của phương tiện giao tiếp bằng ngôn ngữ, GV đi đến kết luận về việc ngôn ngữ được sử dụng phổ biến trong mọi hoạt động đời sống, đặc biệt là trong sinh hoạt hàng ngày); + Ngôn ngữ sinh hoạt có các dạng biểu hiện nào?; + Dựa vào những kiến thức, kĩ năng đã biết về đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, phân biệt dạng lời nói tái hiện và lời nói sáng tạo của ngôn ngữ sinh hoạt...

Không chỉ có tác dụng kích thích quá trình kết nối những kiến thức và kĩ năng đã có với tình huống mới, những câu hỏi dạng này còn giúp ôn tập, củng cố những nội dung học tập cũ thêm vững chắc, sâu sắc.

- Đặt câu hỏi kiểm tra kiến thức tiếng Việt đã có về nội dung bài sắp học (cách này áp dụng đối với các nội dung kiến thức của bài sắp học mà HS đã có kinh nghiệm trước đó). Chẳng hạn, khi dạy học bài *Phong cách ngôn ngữ báo chí*, GV có thể kiểm tra hiểu biết của HS về các loại báo chí phân chia theo các tiêu chí, các thể loại báo chí, cách đọc một văn bản báo chí... Những kiến thức này HS đã được trải nghiệm trong thực tế cuộc sống.

Hệ thống câu hỏi cụ thể: + Kể tên các loại báo chí phân loại theo các tiêu chí phương tiện, định kì xuất bản, lĩnh vực hoạt động xã hội, đối tượng độc giả...; + Kể tên những thể loại báo chí mà em biết. Các thể loại đó giống nhau và khác nhau như thế nào?; + Cách xem, nghe, đọc các văn bản báo chí đó giống nhau như thế nào?; + Nhận xét về cách sử dụng từ ngữ, câu văn và các biện pháp tu từ trong các văn bản báo chí đó... Những câu hỏi dạng này vừa có tác dụng khơi gợi kinh nghiệm của HS, vừa giúp HS kết nối kiến thức và kĩ năng đã có vào giải quyết tình huống mới, vừa hướng HS vào khả năng vận dụng trong thực tế đời sống.

**3.2.2. Tìm hiểu kiến thức và nhu cầu học tập tiếng Việt của HS qua phiếu điều tra.** Phiếu điều tra (Bảng câu hỏi - Questionnaire) là một công cụ thường được dùng để ghi chép các ý kiến của đối tượng HS trong phương pháp phỏng vấn. Trong dạy học, phiếu điều tra là một bảng các câu hỏi mà HS cần trả lời. Việc biên soạn một bảng câu hỏi phù hợp là một vấn đề quan trọng trong phương pháp này. Các câu hỏi phải được diễn đạt rõ ràng, tránh hiểu nhầm. Có hai loại câu hỏi: - *Câu hỏi đóng* nêu ra các phương án trả lời (ví dụ đúng, sai), người được hỏi chỉ việc lựa chọn một trong các phương án đó nên phù hợp với nội dung kiểm tra bài cũ; - *Câu hỏi mở* cho phép HS có thể trả lời theo ý riêng của mình, không bị ràng buộc, do vậy, câu hỏi mở phù hợp với giai đoạn nghiên cứu thăm dò để tìm hiểu nhu cầu, hứng thú của HS.

Điều tra sự hiểu biết về những vấn đề có liên quan đến bài học là khâu rất quan trọng khi dạy học theo quan điểm của LTKT. Trong quá trình thực hiện đề tài, chúng tôi thấy rằng việc tìm hiểu kiến thức và nhu cầu học tập tiếng Việt của HS qua phiếu điều tra cho kết quả tốt bởi vì kết quả điều tra bằng phiếu giúp GV thu nhận được rất nhiều thông tin về nội dung kiến thức của HS về chủ đề sắp dạy. Phiếu điều tra cũng có thể được sử dụng như một bài kiểm tra trắc nghiệm nhanh để GV tìm hiểu vốn tri thức, kinh nghiệm sẵn có của HS trước khi tiến hành dạy bài mới. Mặt khác, biện pháp sử dụng phiếu điều tra

được áp dụng dễ dàng và rất thuận lợi đối với tất cả các loại bài học.

Sử dụng biện pháp này, GV cần phải tiến hành những công việc sau: - Chuẩn bị phiếu điều tra: GV đưa ra các câu hỏi về những kiến thức có liên quan đến vấn đề nghiên cứu mà HS có thể biết được từ thực tế, từ các nguồn thông tin khác; - Phát phiếu điều tra: *Cách 1:* Phát phiếu cho từng cá nhân HS, thời gian khoảng 10 phút buổi hôm trước khi lên lớp. *Cách 2:* Phát phiếu điều tra cho các nhóm HS thảo luận, trả lời (khoảng 5-7 phút) bằng cách viết vào giấy khổ lớn và dán lên tường ở vị trí của nhóm mình. Với các nội dung có ghi rõ bao nhiêu bạn trong nhóm đã biết về điều này; - Tiến hành phân tích những kiến thức vốn có của HS qua phiếu điều tra: GV xác định được những kiến thức HS đã có, những khái niệm chưa chắc chắn hoặc chưa biết.

Ví dụ, trước khi dạy bài *Phong cách ngôn ngữ báo chí*, GV có thể sử dụng phiếu điều tra với hệ thống câu hỏi tự luận hoặc câu hỏi trắc nghiệm; hay GV cũng có thể sử dụng hình thức điều tra thông qua một bài tập nhỏ.

Sử dụng biện pháp dạy học này, GV cần lưu ý: + Trong phiếu điều tra, GV có thể sử dụng loại câu hỏi trắc nghiệm hoặc câu hỏi tự luận với yêu cầu nội dung trả lời nhanh chóng, ngắn gọn. Tuy nhiên số lượng câu hỏi nên giới hạn từ 5-10 câu để tránh làm mất nhiều thời gian; + Để đảm bảo tính khách quan, khi phát phiếu, GV yêu cầu HS không đọc sách giáo khoa, trả lời câu hỏi. Sau đó, GV yêu cầu HS về nhà đọc trước sách giáo khoa, tự trả lời lại những câu hỏi đó.

**3.2.3. Sử dụng phiếu học tập (PHT) để tìm hiểu kiến thức và nhu cầu học tập các bài PCCN tiếng Việt của HS.** PHT là một tờ giấy thường được in sẵn nhằm mục đích hỗ trợ HS sắp xếp các nội dung kiến thức để phục vụ cho việc học và hiểu bài tốt hơn. GV có thể yêu cầu HS điền vào khoảng trống trong tờ giấy để trả lời câu hỏi hay hoàn thành sơ đồ. PHT phải được thiết kế sẵn trước giờ dạy. Nội dung PHT phải vừa đủ, bám sát mục tiêu bài học và chuẩn kiến thức kỹ năng, phù hợp đối tượng HS lớp giảng dạy, phù hợp với trình độ, hoạt động của HS, với lượng thời gian thích hợp. Hình thức PHT phải rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu thể hiện tính sư phạm, tạo hứng thú cho HS.

GV xây dựng PHT theo các bước: *Bước 1:* Phân tích bài "*PCCN ngôn ngữ*" sẽ dạy để nắm vững mục tiêu và nội dung kiến thức bài học, nội dung PHT, xác định định lượng kiến thức sử dụng trong PHT. *Bước 2:* Chuyển kiến thức trọng tâm thành dạng PHT. Vấn đề trên PHT nên chia nhỏ, sắp xếp từ dễ đến khó để tất cả HS trên lớp với năng lực học khác nhau đều có thể tham gia. Nội dung PHT cần lựa chọn hình thức biểu hiện phù hợp, có những

dữ liệu nên trình bày bằng văn bản bình thường, có loại đưa vào sơ đồ, biểu mẫu, bài tập thực hành, bài tập xử lý tình huống,... Tất cả đều phải phù hợp với đối tượng HS và nội dung bài học. PHT thể hiện được yêu cầu làm việc hợp tác với nhau trong nhóm học tập như cùng nhau xây dựng hệ thống kiến thức, trao đổi kết quả,... *Bước 3:* Chuẩn bị hệ thống lập luận và nhận xét để hướng dẫn và điều chỉnh quá trình học tập của HS. GV cần chuẩn bị những định hướng có tác dụng đến hiệu quả học tập của HS, góp phần thúc đẩy học tập theo hướng tích cực, phá vỡ sự bế tắc hoặc căng thẳng trong học tập; HS mạnh dạn suy nghĩ nhiều hơn, mạnh dạn đưa ra ý kiến của mình. *Bước 4:* Xây dựng đáp án cho PHT, đáp án cần đảm bảo ngắn gọn, súc tích, khái quát cao.

Để sử dụng sáng tạo và linh hoạt, hiệu quả PHT trong giờ dạy các bài PCCN ngôn ngữ, GV lưu ý các bước:

- *Bước 1:* Phát PHT cho HS (số lượng phiếu thích hợp với cá nhân và nhóm HS). GV căn cứ vào nội dung bài học để có thể dùng chính PHT để tổ chức học tập, làm cơ sở để ghép nhóm học tập và quy định thời gian học tập.

- *Bước 2:* Quan sát và hướng dẫn HS học tập và hoạt động với PHT. GV quan sát phát hiện những biểu hiện thiếu tập trung, học tập một cách tản mạn, tùy tiện của HS để kịp thời uốn nắn, nhắc nhở, hướng các em chủ động làm việc với PHT.

- *Bước 3:* HS làm việc với các nguồn tài liệu và hoàn thành PHT: GV quan sát nhắc nhở và giúp đỡ. Đối với dạng PHT HS làm việc cá nhân: mỗi HS làm việc độc lập. Đối với dạng PHT HS làm việc theo nhóm: GV chia HS thành các nhóm và phát PHT cho mỗi nhóm, giao nhiệm vụ cho nhóm, mỗi cá nhân làm việc độc lập khoảng vài phút, sau đó thảo luận nhóm, thống nhất ý kiến cả nhóm, ghi kết quả, đại diện các nhóm trình bày kết quả.

- *Bước 4:* HS trình bày. Đối với hoạt động cá nhân: từng HS trình bày, những HS khác chú ý, đối chiếu với PHT của mình và bổ sung góp ý, cũng có thể thắc mắc tranh luận với người trình bày. Đối với hoạt động theo nhóm: đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác có thể trao đổi tranh luận bổ sung. GV nhận xét về tinh thần thái độ học tập, kết quả nội dung PHT (có thể cho điểm nếu HS thực hiện tốt).

- *Bước 5:* GV sửa chữa, bổ sung và đưa ra đáp án bằng PHT, HS so sánh, đối chiếu và rút kinh nghiệm, tự đánh giá.

- *Bước 6:* Tổng kết công việc. GV có thể nhận xét, tổng kết bài hoặc yêu cầu HS tổng kết. Thông qua tổng kết, HS tự đánh giá công việc của mình, rút ra những kinh nghiệm cần thiết cho bản thân như: kinh nghiệm sử dụng PHT, tìm hiểu bài, kinh nghiệm trong hoạt động nhóm,

(Xem tiếp trang 126)

thấy những giá trị sống vẫn chưa thực sự được SV quan tâm đủ và sâu sắc khi thực hiện những hành vi cụ thể trong lối sống của mình mà điều đó thể hiện rõ nhất trong hành vi ứng xử TH. - Trong TH 8 có kết quả được xếp cuối cùng với tỉ lệ là 17,6% SV có lựa chọn tích cực. Điều này cho thấy SV có phần chưa nghiêm khắc với chính mình cũng như chưa có những hành vi quyết đoán để hướng đến những giá trị sống chung mang tính chuẩn mực.

Như vậy, biểu hiện các GTĐĐ ở mặt xu hướng hành vi thông qua việc lựa chọn cách ứng xử trong các TH cụ thể của SV có hướng đến lối ứng xử tích cực. Tuy nhiên một điểm rất nổi bật trong hầu hết các TH là SV vẫn còn rất thụ động trong việc thực hiện các hành vi đó. Như vậy, tính tự giác của SV còn rất kém và ý chí đạo đức cũng chưa mạnh mẽ. Điều này cũng sẽ liên quan đến việc lựa chọn các GTĐĐ như là phương châm của hành động.

#### 4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu thực trạng về sự lựa chọn các GTĐĐ của SVSP trong giai đoạn hiện nay có thể rút ra các kết luận: - Sự lựa chọn các GTĐĐ của SV ở mức độ cao, đa số SV của các khoa đều có khả năng vận dụng các GTĐĐ vào trong cuộc sống. Đối với các GTĐĐ cần thiết thì SV vẫn đề cao, nhưng vẫn còn một số GTĐĐ khác chưa được SV lựa chọn để định hướng cho lối sống cho mình. - Sự lựa chọn các GTĐĐ được biểu hiện ở mặt thái độ, hành vi còn ít rõ ràng, tồn tại nhiều thái độ tiêu cực ở một bộ phận không nhỏ SV. Về mặt hành vi, biểu hiện của sự lựa chọn các GTĐĐ không đồng đều. Biểu hiện về sự lựa chọn các GTĐĐ của SV còn phức tạp, chưa thống nhất giữa nhận thức, thái độ và hành vi. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Phạm Minh Hạc (2001). *Nghiên cứu con người và nguồn nhân lực đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [2] Phạm Minh Hạc (2010). *Giá trị học cơ sở lý luận góp phần đúc kết, xây dựng giá trị chung của người Việt Nam hiện nay*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3] Nguyễn Văn Bắc (2006). *Nhận thức của sinh viên sư phạm về các giá trị truyền thống trong học tập*. Tạp chí Tâm lý học, số 3, tr 43-51.
- [4] Don. E-hác (1987). *Giá trị cuộc sống - giá trị văn hóa*. NXB Giáo dục.
- [5] Lê Hương (2000). *Một số nét tâm lý đặc trưng của lứa tuổi thanh niên*. Tạp chí Tâm lý học, số 2, tr 10-20.
- [6] Hungtinton S. (2003). *Va chạm giữa các nền văn minh*. NXB Lao động.

## Vấn đề tìm hiểu kiến thức...

(Tiếp theo trang 150)

trao đổi, thảo luận, trình bày ý kiến,... GV có thể khéo léo đưa ra những lập luận định hướng và chỉ đạo nếu thấy HS lúng túng.

Sau mỗi giờ học, GV thu lại tất cả PHT của HS để kiểm tra thái độ làm việc, kĩ năng làm việc của từng HS, nhóm HS, nhận xét, đánh giá và điều chỉnh hợp lí những hạn chế của HS.

Sử dụng PHT để tìm hiểu kiến thức và nhu cầu học tập tiếng Việt của HS được áp dụng trong các bài học có nội dung kiến thức hoàn toàn mới, HS chưa được nghiên cứu ở các lớp dưới.

Qua thực nghiệm, chúng tôi thấy rằng thời gian hạn chế và lớp HS quá đông là những nguyên nhân quan trọng đã ảnh hưởng tới việc GV quan tâm đến các ý kiến của HS cũng như nắm bắt được các kiến thức và nhu cầu học tập của HS đối với phân môn *Tiếng Việt* nói chung, phân *PCCN ngôn ngữ* mới riêng. Vì vậy, GV cần lựa chọn và phối hợp các biện pháp điều tra một cách thích hợp để có sự quan tâm một cách thích đáng đối với việc tiếp thu kiến thức mới của HS. Đồng thời, kết quả của công việc này sẽ giúp GV xây dựng hoặc lựa chọn được các tình huống học tập khác nhau sao cho phù hợp nhất với HS của mình.

\*\*\*

Chúng tôi đã nghiên cứu về khả năng, quy trình dạy học PCCN tiếng Việt cho HS theo quan điểm LTKT; xem xét một số biện pháp cụ thể để tìm hiểu kiến thức vốn có và nhu cầu của HS trong quá trình vận dụng LTKT đó. Với những thao tác dạy học quen thuộc, chúng tôi vận dụng theo mục tiêu và cách thức riêng, phù hợp với quan điểm dạy học của LTKT, vừa đảm bảo phù hợp với định hướng dạy học tích hợp, tích cực, giao tiếp, vừa phát huy thế mạnh riêng trong từng khâu của quá trình dạy học PCCN cho HS trung học phổ thông theo quan điểm LTKT. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Hữu Châu (2005). *Những vấn đề cơ bản về chương trình và quá trình dạy học*. NXB Giáo dục.
- [2] Trần Bá Hoàn (2005). *Đổi mới phương pháp dạy học, chương trình và sách giáo viên*. NXB Đại học Sư phạm.
- [3] Lê A - Bùi Minh Toán - Nguyễn Quang Ninh (2001). *Phương pháp dạy học Tiếng Việt*. NXB Giáo dục.
- [4] Nguyễn Minh Thuyết (1998). *Về dạy Tiếng Việt ở phổ thông*. NXB Giáo dục.
- [5] Nguyễn Đức Tôn (2001). *Những vấn đề về dạy và học Tiếng Việt trong nhà trường*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.